TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:678/2024/HS-ST
Ngày 18 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Vinh.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 681/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 704/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Bùi Ngọc Hoàng V, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1996, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký thường trú: 21/199/6, khu phố D, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: C đường N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Q và bà Trương Kim H; bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Lê Trọng Đ, sinh năm 1992 (không đăng ký kết hôn), có 01 con chung sinh năm 2015; có chồng là Nguyễn Thành Đ1, sinh năm 1994 (đã ly hôn năm 2022), có 01 con chung sinh năm 2020; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra, "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H1,

sinh năm 1996; Địa chỉ: B, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, "vắngmặt";

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc Hoàng V và chị Nguyễn Thị Ngọc H1 (sinh năm 1996, ngụ tại số B, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) quen biết nhau từ thời học cấp 3. Vào khoảng tháng 6/2019, chị H1 hỏi vay mượn tiền V để giải quyết công việc thì V đồng ý cho vay với hình thức trả lãi theo tháng với lãi suất 20%/tháng, cụ thể như sau:

Ngày 23/6/2019, V thỏa thuận cho chị H1 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) với lãi suất 20%/tháng nên tiền lãi mỗi tháng là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Đến ngày 29/10/2019, chị H1 trả cho V số tiền lãi 38.400.000đ (ba mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng), tương đương với 129 ngày với lãi suất thực tế là 17.86%/tháng. Sau đó, chị H1 không còn khả năng trả nợ nên V không lấy tiền lãi nữa. Đến ngày 20/01/2020, chị H1 và gia đình trả số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho V.

Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng (20%/năm) mà V được hưởng từ ngày 23/6/2019 đến ngày 29/10/2019 là 3.590.457đ (ba triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính là 34.809.543đ (ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Bùi Ngọc Hoàng V đã cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 vay tiền với lãi suất 17.86%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật Dân sự. Số tiền V sử dụng để cho vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), số tiền lãi V đã thu lợi bất chính là 34.809.543đ (ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

Bản Cáo trạng số: 666/CT-VKSBH ngày 19/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 35; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Bùi Ngọc H2 Vân từ 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng); Buộc bị cáo Bùi Ngọc H2 Vân nộp số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) sử dụng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước; Buộc bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V phải nộp lại số tiền 3.590.457đ (ba triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước; Buộc bị cáo Bùi Ngọc H2 V phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 34.809.543đ (ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) là số tiền đã thu lợi bất chính của chị H1.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo đúng như nội dung được tóm tắt ở phần trên.

Lời nói sau cùng, bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V đã ăn năn hối hận về hành vi mà bị cáo đã gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự:

Các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, hành vi tố tụng của Điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án, quyết định tố tụng của Viện kiểm sát và hành vi tố tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa. Trong giai đoạn điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án, xét có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 23/6/2019 đến ngày 29/10/2019, Bùi Ngọc Hoàng V đã có hành vi sử dụng số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 vay với lãi suất 17.86%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 34.809.543đ (ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng).

Hành vi của bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo đã đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về việc cho vay trong giao dịch dân sự. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự biết được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kiếm tiền và thu lời bất chính nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền 34.809.543đ (ba mươi bốn triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo thực tế đã thu nên buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền này;

- Đối với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là khoản tiền dùng để cho vay nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 3.590.457đ (ba triệu, năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm năm mươi bảy đồng) là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm) mà bị cáo đã thu của người vay nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo về tội danh; điều khoản; Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Về mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 463, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 106; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc H2 Vân 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

2. Về các biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V nộp số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và số tiền 3.590.457đ (ba triệu năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi bảy đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

Buộc bị cáo Bùi Ngọc H2 V phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc H1 34.809.543đ (ba mươi bốn triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng).

3. Về án phí: Bị cáo Bùi Ngọc Hoàng V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.740.477đ (một triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, bốn trăm bày mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành bản án của Tòa án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo luật định;

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Biên Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Tp. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên tính từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo luật định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**